ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 237 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 05/4/2026 của Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo (KNST); UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về KNST trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu của Chiến lược quốc gia về KNST; phát triển hệ sinh thái KNST trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, hiệu quả, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, gắn với nhu cầu thị trường và giải quyết các bài toán thực tiễn của địa phương, thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ (KHCN) và đổi mới sáng tạo (ĐMST) trong sản xuất, kinh doanh.

- Phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân trong việc hỗ trợ KNST; tăng cường liên kết với hệ sinh thái KNST quốc gia, từng bước nâng cao năng lực ĐMST và sức cạnh tranh của nền kinh tế địa phương.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát định hướng của Chiến lược quốc gia về KNST; bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Xác định rõ nội dung công việc, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; tăng cường phối hợp liên ngành; lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; bảo đảm tính khả thi, thiết thực, tránh hình thức, trùng lặp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển hệ sinh thái KNST trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, hiệu quả; thúc đẩy hình thành và lan tỏa tinh thần KNST dựa trên nền tảng KHCN và chuyển đổi số (CĐS) trong toàn xã hội. Từng bước đưa KNST trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao năng

lực cạnh tranh, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Chủ thể kinh doanh đạt từ 17.000 chủ thể trở lên, trong đó tối thiểu phát triển 05 doanh nghiệp KNST.

- 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp có nội dung ĐMST, khởi nghiệp trong chương trình đào tạo; 100% thủ tục hành chính thiết yếu về đăng ký doanh nghiệp được thực hiện trên môi trường số; 60% chủ thể kinh doanh sử dụng công cụ, nền tảng số trong kinh doanh; 40% chủ thể kinh doanh sử dụng dịch vụ nền tảng số dùng chung; hình thành tối thiểu 03 không gian, trung tâm hỗ trợ KNST, ĐMST trên địa bàn tỉnh.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh đạt tối thiểu 15%; mỗi năm có tối thiểu 10 sản phẩm ĐMST được thương mại hóa; tối thiểu 05 dự án ĐMST được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm**.**

- Phấn đấu nâng cao Chỉ số ĐMST cấp địa phương (PII) của tỉnh, từng bước cải thiện thứ hạng trong nhóm các tỉnh, thành phố trên cả nước; phấn đấu năm 2026 tăng tối thiểu 04 bậc so với năm 2025, các năm tiếp theo phấn đấu tăng dần vị trí xếp hạng của tỉnh và điểm số năm sau cao hơn năm trước.

- Hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp KNST có tiềm năng tăng trưởng; tăng cường kết nối, thu hút các nguồn lực đầu tư cho KNST, từng bước phát triển thị trường vốn cho KNST trên địa bàn tỉnh.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

- Phấn đấu đạt tối thiểu 40 doanh nghiệp KNST; phát triển hệ thống tối thiểu 06 vườn ươm, trung tâm ĐMST trên địa bàn tỉnh, từng bước hình thành mạng lưới hỗ trợ KNST.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh đạt tối thiểu 40%; mỗi năm có tối thiểu 25 sản phẩm ĐMST được thương mại hóa; tối thiểu 15 dự án ĐMST được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm**.**

- Tăng cường kết nối với hệ sinh thái KNST quốc gia và quốc tế; thu hút các nguồn lực đầu tư, từng bước phát triển thị trường vốn cho KNST trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp KNST mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Truyền thông, nâng cao nhận thức, lan tỏa văn hóa KNST trong toàn dân, toàn xã hội

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về vai trò của KNST, ĐMST đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số và mạng xã hội nhằm thay đổi nhận thức về khởi nghiệp từ "rủi ro" sang "cơ hội"; lan toả tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, chấp nhận rủi ro, khoan dung với thất bại; khuyến khích khởi nghiệp để làm giàu chính đáng cho bản thân và đóng góp cho đất nước; hình thành văn hóa KNST, ĐMST toàn dân, xây dựng một xã hội mà KNST và ĐMST là lựa chọn được tôn trọng và hỗ trợ;

c) Định kỳ tổng kết, động viên, khen thưởng, tuyên truyền, giới thiệu, nhân rộng ý tưởng, sáng kiến, điển hình khởi nghiệp thành công, mô hình ĐMST có hiệu quả;

d) Lồng ghép nội dung khởi nghiệp, ĐMST vào chương trình hành động, nghị quyết chuyên đề, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tích hợp trong chương trình giáo dục từ phổ thông và trong các hợp tác quốc tế;

đ) Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án quốc gia về KNST, hỗ trợ khởi nghiệp bao trùm, khuyến khích mọi thành phần trong xã hội như học sinh, sinh viên, phụ nữ, thanh niên, nông dân, người cao tuổi... khai thác lợi thế địa phương, tài nguyên bản địa, bản sắc riêng để khởi nghiệp.

2. Phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất dùng chung hỗ trợ khởi nghiệp dựa trên công nghệ mới, công nghệ số, ĐMST

a) Rà soát, đề xuất cơ chế khai thác, sử dụng hiệu quả tài sản công, cơ sở vật chất sẵn có của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh (tổ chức KHCN, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở y tế, đơn vị sự nghiệp công lập…) để hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, ĐMST theo quy định; thí điểm bố trí, chia sẻ không gian làm việc chung, phòng thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm;

b) Hình thành và phát triển các không gian KNST cộng đồng phù hợp với điều kiện của tỉnh; duy trì, khai thác hiệu quả các không gian làm việc chung; tổ chức các hoạt động trưng bày, giới thiệu sản phẩm, kết nối đầu tư, hỗ trợ phát triển hệ sinh thái KNST;

c) Căn cứ điều kiện thực tiễn, từng bước hình thành Trung tâm hỗ trợ KNST, Trung tâm ĐMST trên địa bàn tỉnh; ưu tiên phát triển theo mô hình linh hoạt, gắn với các ngành, lĩnh vực có lợi thế của địa phương;

d) Từng bước kết nối, hình thành các yếu tố của cụm ĐMST gắn với các khu vực có tiềm năng như khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, lĩnh vực nông nghiệp, logistics, thương mại biên giới, CĐS;

đ) Tham gia, phối hợp triển khai thí điểm các mô hình khu thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) theo định hướng, hướng dẫn của Trung ương; chủ động đề xuất các lĩnh vực phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh để tham gia thí điểm khi có cơ chế cho phép.

3. Hoàn thiện khung khổ pháp lý, phát triển các mô hình doanh nghiệp mới và thúc đẩy khởi nghiệp trong toàn dân

a) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, triển khai thực hiện các thủ tục đăng ký, thành lập, hoạt động của doanh nghiệp trên môi trường số theo quy định; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp gia nhập thị trường;

b) Chủ động rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong hoạt động KNST; đề xuất, kiến nghị các cơ quan Trung ương hoàn thiện cơ chế, chính sách chính sách hỗ trợ về KNST phù hợp với điều kiện địa phương; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động KNST; khuyến khích phát triển các mô hình kinh doanh mới theo định hướng của Trung ương. Nghiên cứu, đề xuất tham gia triển khai thí điểm mô hình "doanh nghiệp một người" phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tiễn của tỉnh; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp;

c) Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin pháp lý, tư vấn về đăng ký doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ, huy động vốn và các quy định liên quan; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển và tham gia thị trường;

d) Tham gia, phối hợp triển khai các cơ chế, chính sách thí điểm về KNST theo định hướng, hướng dẫn của Trung ương khi có điều kiện và phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

4. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho khởi nghiệp, ĐMST

a) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp, ĐMST cho học sinh, sinh viên và người lao động; tích hợp nội dung khởi nghiệp, ĐMST trong chương trình giáo dục phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo, đặc biệt trong giáo dục nghề nghiệp;

b) Đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo, tổ chức trong và ngoài tỉnh để triển khai các chương trình đào tạo, huấn luyện về khởi nghiệp, ĐMST; mời chuyên gia, doanh nhân tham gia đào tạo, cố vấn cho các dự án KNST;

c) Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khởi nghiệp, ĐMST; triển khai các chương trình tập huấn, đào tạo chuyên sâu phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh;

d) Khai thác, sử dụng hiệu quả các tài liệu, chương trình đào tạo, nền tảng học tập trực tuyến về khởi nghiệp, ĐMST do Trung ương và các tổ chức cung cấp.

5. Hỗ trợ khởi nghiệp dựa trên KHCN, ĐMST và CĐS

a) Hỗ trợ về cơ sở vật chất, kỹ thuật, pháp lý, tài chính

- Triển khai, ứng dụng các nền tảng số, công cụ hỗ trợ KNST do Trung ương và các tổ chức cung cấp; từng bước khai thác các công cụ hỗ trợ tư vấn pháp lý, tài chính và các lĩnh vực liên quan phục vụ tổ chức, cá nhân KNST trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp KNST theo quy định đối với chi phí đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ, chi phí đăng ký chất lượng sản phẩm; hỗ trợ chi phí nghiên cứu, sản xuất, thử nghiệm sản phẩm, kiểm định công nghệ, tư vấn pháp lý, bảo hiểm rủi ro KNST, ĐMST; hỗ trợ chi phí sử dụng không gian làm việc chung, cơ sở vật chất kỹ thuật dùng chung, chi phí tham gia các khóa đào tạo, ươm tạo, tăng tốc trong nước, nước ngoài; hỗ trợ chi phí trả tiền công, tiền lương cho chuyên gia công nghệ trong nước, nước ngoài;

- Sử dụng kinh phí mua sắm công từ nguồn ngân sách địa phương về KHCN, ĐMST và CĐS để ưu tiên đặt hàng, mua, sử dụng sản phẩm, dịch vụ khởi nghiệp, ĐMST. Hằng năm, mỗi địa phương, doanh nghiệp lớn trên địa bàn đưa ra ít nhất một đề bài cho KNST giải quyết và cùng tài trợ, đồng hành, sử dụng giải pháp, sản phẩm KNST.

b) Hỗ trợ ươm tạo, tăng tốc KNST, tạo đột phá trong các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế

- Tổ chức tuyển chọn, hỗ trợ các dự án KNST tiềm năng tham gia các chương trình ươm tạo, tăng tốc; hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh và nâng cao năng lực tiếp cận thị trường.

- Tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo, tổ chức KHCN, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để triển khai các hoạt động ươm tạo, hỗ trợ KNST; khuyến khích hình thành các dự án khởi nghiệp từ doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung hỗ trợ các dự án, doanh nghiệp KNST trong các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh như nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông sản, thương mại điện tử, logistics, du lịch và các lĩnh vực gắn với CĐS, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Hỗ trợ phát triển một số doanh nghiệp KNST tiêu biểu, có khả năng tăng

trưởng, từng bước tham gia thị trường trong nước và khu vực; khuyến khích các mô hình KNST tạo tác động xã hội, gắn với giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương.

c) Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ KNST

- Triển khai, tham gia thực hiện các chương trình, đề án của trung ương về hỗ trợ hệ sinh thái KNST; lồng ghép với các chương trình, đề án của tỉnh để tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, đầu tư trực tiếp cho ý tưởng, dự án KNST, doanh nghiệp KNST, các tổ chức hỗ trợ và doanh nghiệp KHCN trong thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, phát triển sản phẩm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

- Hỗ trợ, phát triển các trung tâm hỗ trợ KNST, trung tâm ĐMST trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia, khai thác, phát triển mạng lưới, hạ tầng và hệ sinh thái KNST; tăng cường kết nối với hệ sinh thái KNST trong nước và quốc tế. Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động xác định, đề xuất, công bố các bài toán lớn và ưu tiên thử nghiệm, sử dụng, tiếp nhận các giải pháp, công nghệ của doanh nghiệp KNST;

- Tổ chức các hoạt động, sự kiện kết nối khởi nghiệp, ĐMST trên địa bàn tỉnh hằng năm; tích cực tham gia các diễn đàn, chương trình kết nối về khởi nghiệp, ĐMST và CĐS cấp vùng, quốc gia và quốc tế.

6. Phát triển thị trường vốn và hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn cho KNST

a) Nghiên cứu, hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; tăng cường kết nối doanh nghiệp KNST trên địa bàn tỉnh với các quỹ đầu tư, nhà đầu tư, tổ chức tín dụng trong và ngoài nước; phối hợp, tham gia triển khai các chương trình, quỹ đầu tư KNST của trung ương; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư, hỗ trợ vốn cho KNST.

b) Phối hợp triển khai các cơ chế hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp KNST theo quy định; tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn vay, bảo lãnh tín dụng, các chương trình hỗ trợ tài chính phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp KNST tiếp cận các kênh huy động vốn hợp pháp như nhà đầu tư thiên thần, quỹ đầu tư, nền tảng gọi vốn cộng đồng; tổ chức các hoạt động kết nối đầu tư, giới thiệu dự án; từng bước hình thành môi trường thuận lợi cho phát triển thị trường vốn cho KNST trên địa bàn tỉnh.

7. Đẩy mạnh hội nhập, hợp tác trong nước và quốc tế, thu hút nguồn lực phát triển KNST

a) Tăng cường hợp tác với các tổ chức, đối tác, mạng lưới KNST trong nước và quốc tế; chủ động phối hợp tham gia các chương trình, hoạt động hợp tác, kết nối do Trung ương, bộ, ngành và các tổ chức liên quan triển khai; thúc đẩy kết nối với các quỹ đầu tư, nhà đầu tư, tổ chức hỗ trợ KNST nhằm thu hút nguồn lực cho địa phương.

b) Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp KNST tham gia chuỗi giá trị, từng bước mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, ưu tiên thông qua các nền tảng số, thương mại điện tử và các chương trình hỗ trợ xuất khẩu phù hợp.

c) Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia hoạt động KNST trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp KNST nâng cao năng lực hội nhập, hoàn thiện sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng, sở hữu trí tuệ, năng lực quản trị và khả năng kết nối với các tổ chức trung gian, chuyên gia, cố vấn, nhà đầu tư theo quy định.

8. Phát triển hạ tầng, công cụ, góp phần hướng tới phát triển quốc gia số dựa trên KHCN và ĐMST

a) Triển khai, ứng dụng và khai thác hiệu quả các nền tảng số, công cụ số phục vụ KNST do Trung ương và các tổ chức cung cấp; tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các công cụ số, trợ lý trí tuệ nhân tạo, hạ tầng số dùng chung của tỉnh trong hoạt động KNST, sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường.

b) Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp tham gia phát triển, cung cấp các nền tảng số, dịch vụ số hỗ trợ hoạt động kinh doanh như kế toán, thuế, quản lý tài chính, quản trị nhân sự, bán hàng, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử.

c) Phối hợp triển khai, tham gia các cơ chế, chính sách thí điểm của Trung ương nhằm thu hút chuyên gia, cố vấn, nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ, ĐMST, CĐS tham gia đào tạo, tư vấn, hỗ trợ các ý tưởng, dự án, doanh nghiệp KNST trên địa bàn tỉnh theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi cho chuyên gia, cố vấn trong và ngoài nước tham gia hoạt động đào tạo, tư vấn, hỗ trợ KNST theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

- Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị, được giao nhiệm vụ tại kế hoạch thực hiện lập dự toán ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ chi KHCN, ĐMST và CĐS, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Sở Tài chính thẩm định, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật KHCN và ĐMST, và các quy định pháp luật hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì xây dựng Kế hoạch hằng năm, tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về KNST trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện Kế hoạch.

b) Chủ trì điều phối, phát triển hệ sinh thái KNST trên địa bàn tỉnh; tổ chức, kết nối và khai thác hiệu quả mạng lưới các trung tâm hỗ trợ KNST, trung tâm ĐMST, không gian khởi nghiệp và các tổ chức hỗ trợ KNST.

c) Chủ trì triển khai, hướng dẫn áp dụng các bộ chỉ số đánh giá về KNST theo hướng dẫn của Trung ương; xây dựng, quản lý và khai thác hệ thống thông tin, dữ liệu về KNST trên địa bàn tỉnh;

d) Định kỳ hằng năm tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo của UBND tỉnh, gửi UBND tỉnh **trước ngày 10 tháng 12** để báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định; tổ chức sơ kết vào năm 2030 và tổng kết vào năm 2036.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ KNST.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc về cơ chế tài chính, chính sách hỗ trợ KNST trên địa bàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh kiến nghị các cơ quan trung ương nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phù hợp, trong đó có các nội dung liên quan đến mô hình doanh nghiệp mới, cơ chế xử lý rủi ro, phá sản và tiếp cận nguồn vốn cho doanh nghiệp KNST.

3. Các sở, ban, ngành

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng và tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ KNST trong ngành, lĩnh vực quản lý; lồng ghép

với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn của ngành, lĩnh vực.

b) Chủ động bố trí, lồng ghép nguồn lực trong phạm vi quản lý để triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp KNST, doanh nghiệp công nghệ số; góp phần xây dựng hệ sinh thái KNST của tỉnh.

c) Căn cứ tình hình, nhu cầu thực tiễn, chủ trì hoặc phối hợp đề xuất các mô hình, không gian, trung tâm hỗ trợ KNST, ĐMST trong ngành, lĩnh vực tại tỉnh; chủ động xác định, đề xuất các nhu cầu, bài toán thực tiễn của ngành, lĩnh vực nhằm tạo điều kiện để doanh nghiệp KNST tham gia nghiên cứu, đề xuất giải pháp phù hợp; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc triển khai các hoạt động hỗ trợ KNST trên địa bàn tỉnh.

d) Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia về KNST trên địa bàn tỉnh theo phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý, gửi Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 05 tháng 12** để tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

4. UBND các xã, phường

a) Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về KNST tại địa phương theo giai đoạn và hằng năm, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn, chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KNST, ĐMST; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế tập thể, khởi nghiệp thanh niên, phụ nữ và các chương trình liên quan; khuyến khích tinh thần khởi nghiệp trong cộng đồng.

c) Chủ động rà soát, phát hiện các ý tưởng, mô hình, dự án KNST trên địa bàn; tổ chức lựa chọn, đề xuất các dự án tiềm năng; phối hợp, kết nối với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức liên quan để tham gia các chương trình hỗ trợ, ươm tạo, đào tạo, tư vấn và phát triển dự án; góp phần mở rộng nguồn dự án KNST của tỉnh.

d) Tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn tiếp cận, tham gia các chính sách, chương trình hỗ trợ KNST; phối hợp triển khai các hoạt động đào tạo, ươm tạo, hỗ trợ phát triển sản phẩm, thị trường theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

đ) Chủ động lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp để triển khai các hoạt động hỗ trợ KNST tại địa phương; phối hợp triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định.

e) Chủ động đề xuất các nhu cầu, bài toán thực tiễn của địa phương; căn cứ nhu cầu thực tiễn, đề xuất và phối hợp triển khai các mô hình, không gian hỗ trợ KNST phù hợp với điều kiện địa phương; phối hợp triển khai thử nghiệm, ứng dụng các giải pháp, mô hình KNST nhằm giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội tại cơ sở; tham gia các hoạt động phát triển hệ sinh thái KNST do tỉnh tổ chức.

g) Tăng cường ứng dụng công cụ số, nền tảng số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng các nền tảng số, công cụ số, trợ lý trí tuệ nhân tạo trong hoạt động KNST và phát triển kinh tế.

h) Chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong quá trình triển khai; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện **trước ngày 05 tháng 12** để tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về ĐMST, tinh thần khởi nghiệp trong các tầng lớp Nhân dân; hỗ trợ phụ nữ, thanh niên, người lao động và các nhóm yếu thế tham gia KNST.

b) Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc triển khai các hoạt động hỗ trợ KNST; tham gia xây dựng, giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật về ĐMST và phát triển hệ sinh thái KNST trên địa bàn tỉnh; phối hợp cung cấp thông tin, báo cáo tình hình triển khai các hoạt động liên quan theo đề nghị của cơ quan chủ trì để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

6. Đề nghị Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Câu lạc bộ Đầu tư và Khởi nghiệp tỉnh

a) Phát huy vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, nhà đầu tư với các tổ chức, cá nhân KNST; tăng cường kết nối thị trường, công nghệ, nguồn vốn; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh KNST tiếp cận các cơ hội hợp tác, đầu tư, thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ.

b) Chủ động đề xuất, tổng hợp các nhu cầu, bài toán thực tiễn từ doanh nghiệp, hợp tác xã; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan công bố, kết nối để các tổ chức, cá nhân KNST tham gia giải quyết; đồng hành, hỗ trợ và ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp phù hợp.

c) Tham gia tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn, cố vấn, kết nối đầu tư, kết nối thị trường cho các dự án, doanh nghiệp, hợp tác xã KNST; hỗ trợ hình thành, phát triển mạng lưới chuyên gia, cố vấn, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh.

d) Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã hội viên tham gia hỗ trợ, đầu tư, đặt hàng, hợp tác với các tổ chức, cá nhân KNST; từng bước hình thành hệ sinh thái KNST gắn với nhu cầu thực tiễn của sản xuất, kinh doanh và thị trường.

đ) Phối hợp cung cấp thông tin, báo cáo tình hình triển khai các hoạt động liên quan theo đề nghị của cơ quan chủ trì để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

7. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn

a) Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật; chủ động tham gia các hoạt động hỗ trợ KNST, ĐMST trên địa bàn tỉnh.

b) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch vào chương trình, kế hoạch đào tạo hằng năm của đơn vị; lồng ghép nội dung KNST, ĐMST trong chương trình đào tạo phù hợp.

c) Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp, ĐMST; phát hiện, hỗ trợ các ý tưởng, dự án KNST của học sinh, sinh viên.

d) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc ươm tạo, tư vấn, hỗ trợ phát triển các dự án KNST; tham gia kết nối hệ sinh thái KNST trên địa bàn tỉnh.

đ) Phối hợp cung cấp thông tin, báo cáo tình hình triển khai các hoạt động liên quan theo đề nghị của cơ quan chủ trì để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

UBND tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời phản ánh với UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) về các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và các nội dung cần sửa đổi, bổ sung để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức CT-XH;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Liên minh HTX tỉnh, Hiệp hội DN tỉnh, CLB Đầu tư và Khởi nghiệp tỉnh;
- Các CSGD nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CV, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX(HTHT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Đoàn Thanh Sơn